

ĐẠI TỪ NHÂN XUNG TIẾNG Ê-ĐÊ QUA *SỬ THI ĐĂM SĂN*

PHẠM THỊ XUÂN NGÀ *

Tóm tắt: Đại từ nhân xưng là những từ chỉ người hoặc vật tham gia vào quá trình giao tiếp. Những từ này chỉ có chức năng xưng hô hoặc thay thế cho danh từ và chúng không thể thiếu trong các cuộc giao tiếp. Lựa chọn đại từ nhân xưng phù hợp với các vai giao tiếp là một chiến lược. Để đạt được điều đó, người tham gia giao tiếp cần xác định cho mình vai xưng hợp lý. Đại từ nhân xưng tiếng Ê-đê trong *Sử thi Đăm Săn* không nhiều và hầu hết là các đại từ nhân xưng trung tính. Cách xưng hô bằng đại từ nhân xưng của người Ê-đê cho thấy những nét đặc trưng văn hóa của một dân tộc Nam Đảo điển hình.

Từ khóa: Đại từ nhân xưng, xưng hô, giao tiếp, *Sử thi Đăm Săn*, tiếng Ê-đê.

Abstract: Personal pronouns are words that refer to people or things participating in the communication process. These words only have the function of addressing or replacing nouns, they are indispensable in communication. Choosing appropriate personal pronouns for communication roles is a strategy. To achieve that, communication participants need to determine a reasonable role for themselves. Ede personal pronouns in the Epic of Dam San are not many and most are neutral personal pronouns. The Ede people's way of addressing by personal pronouns shows the cultural characteristics of a typical Austronesian people.

Keywords: Personal pronouns, addressing, communication, the Epic of Dam San, Ede language.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống từ xưng hô trong tiếng Ê-đê khá đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu giao tiếp, gồm hệ thống các từ ngữ xưng hô chuyên dụng

(là đại từ nhân xưng - ĐTNX) và các từ ngữ không chuyên dụng. Bài viết này, chúng tôi trình bày một số đặc điểm trên các phương diện cấu tạo, ngữ nghĩa và văn hóa của ĐTNX tiếng Ê-đê qua *Sử thi Đăm Săn* [I,II]. Đây là sử thi sử dụng khá đầy đủ hệ thống ĐTNX và cũng là sử thi nổi tiếng nhất, là niềm tự hào của tộc người Ê-đê.

2. Hệ thống đại từ nhân xưng trong tiếng Ê-đê và trong *Sử thi Đăm Săn*

Khi giao tiếp, người ta thường dùng các ĐTNX để xưng hô. Tuy nhiên, thực tế giao tiếp rất đa dạng, bản thân các ĐTNX không thể hiện hết được các mối quan hệ giữa các đối tượng giao tiếp. Do đó, hầu hết các ngôn ngữ đều sử dụng thêm các từ ngữ khác để xưng hô như: *danh từ chỉ quan hệ thân tộc, từ ngữ chỉ chức vụ, từ ngữ chỉ các mối quan hệ xã hội,...*

Nhiều nhà nghiên cứu đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến ĐTNX. Diệp Quang Ban gọi ĐTNX là *nhân xưng từ*. Ông viết: “Hai lớp đại từ nhân xưng và đại từ chỉ thị sẽ được gọi gọn là nhân xưng từ và chỉ thị từ” [1, tr.518]. Ông cho rằng: “Nhân xưng từ là những từ không mang nghĩa, chúng thuộc vào số những từ dùng để quy chiếu” [1, tr.519].

Hữu Quỳnh cho rằng: “Đại từ xưng hô là đại từ được dùng để xưng hô hoặc thay thế và

* ThS - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên; Email: xuanngapham1982@gmail.com

trở người. Đại từ xưng hô trong tiếng Việt gồm các đại từ chuyên dùng để xưng hô và các từ xưng hô lâm thời, mượn các danh từ biểu thị quan hệ thân thuộc hay quan hệ xã hội” [3, tr.780]. Như vậy, “đại từ chuyên dụng” chính là ĐTNX, còn “danh từ biểu thị quan hệ thân thuộc hay quan hệ xã hội” là các đại từ phi nhân xưng.

Theo cách hiểu của chúng tôi, ĐTNX là lớp từ chỉ người hoặc vật tham gia vào quá trình giao tiếp. ĐTNX được chia thành các ngôi: ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai và ngôi thứ ba.

2.1. Đại từ nhân xưng trong tiếng Ê-đê

Theo khảo sát của chúng tôi, tiếng Ê-đê hiện có 19 ĐTNX.

Xét về ngôi, ĐTNX trong tiếng Ê-đê được phân thành ba ngôi, cụ thể:

- Ngôi I (dùng để xưng) gồm có 5 ĐTNX, đó là: *káo* (tôi, tao), *hmei* (chúng tôi, chúng tao), *drei* (ta, mình, chúng mình,...), *phung drei* (bọn ta, bọn mình, bọn chúng mình,...) và *phung hmei* (bọn tao, bọn tôi,...).

- Ngôi II (dùng để hô) gồm có 5 ĐTNX, đó là: *ih* (ông, bà, anh, chị, mày,...), *ơng* (mày), *di ih* (các ông, các bà, các anh, các chị, bọn mày), *phung ih* và *phung di ih* (các ông, các anh, các chị, bọn chúng mày, bọn các ông,...).

- Ngôi III (dùng để chỉ đối tượng được nói đến trong cuộc giao tiếp) gồm có 8 ĐTNX, đó là: *ñu* (nó, hắn), *gở* (nó, hắn, y), *di ñu*, *di gở*, *phung ñu*, *phung di ñu*, *phung gở*, *phung di gở* (bọn nó, chúng nó, lũ chúng nó, họ,...).

Ngoài ra, tiếng Ê-đê còn có ĐTNX lưỡng ngôi, đó là: *arăng* (người ta).

Xét về cấu tạo và số lượng âm tiết, ĐTNX trong tiếng Ê-đê có cấu tạo là 8 từ đơn và 8 từ ghép. Ngoài ra, ở ngôn ngữ này còn có 3 ĐTNX có cấu tạo là ngữ.

Cụ thể như sau:

- ĐTNX là từ đơn gồm: *káo* (tôi, tao), *hmei* (chúng tôi), *drei* (ta, mình, chúng mình,

...), *ih* (mày, ông, anh, chị,...), *ơng* (mày, người), *ñu* (nó), *gở* (nó), *arăng* (người ta).

- ĐTNX là từ ghép gồm: *phung hmei*, *phung drei*, *di ih* (chúng mày, các ông, các anh, các chị,...), *phung ih* (bọn chúng mày, bọn các ông, ...), *phung ñu* (bọn/lũ chúng mày, bọn/lũ các ông,...), *di ñu* (chúng nó, họ), *di gở/ phung gở* (bọn nó, lũ nó,...).

- ĐTNX là ngữ gồm 3 đơn vị: *phung di ih* (bọn chúng mày, bọn các ông,...), *phung di ñu* (bọn họ, bọn chúng nó,...) và *phung di gở* (bọn nó, lũ nó,...).

Giao tiếp theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (khẩu ngữ), người Ê-đê còn dùng cả ĐTNX *di ơng* (bọn bay, lũ bay,...) để biểu hiện thái độ cấu gắt, coi thường.

Xét về số, ĐTNX trong tiếng Ê-đê có số đơn và số phức. Cụ thể là:

- ĐTNX số đơn có 5 đơn vị: *káo*, *ih*, *ơng*, *ñu*, *gở*.

- ĐTNX số phức có 13 đơn vị: *hmei*, *drei*, *phung hmei*, *phung drei*, *di ih*, *phung ih*, *di ñu*, *di gở*, *phung ñu*, *phung gở*, *phung di ih*, *phung di ñu* và *phung di gở*.

- Ngoài ra, trong tiếng Ê-đê còn có 1 ĐTNX lưỡng số (chỉ cả số đơn và số phức). Đó là ĐTNX: *arăng*.

2.2. Đại từ nhân xưng trong Sử thi Đăm Săn

2.2.1. Thống kê và phân loại

Theo thống kê, *Sử thi Đăm Săn* có 9 ĐTNX được sử dụng, bao gồm: *káo* (tôi), *hmei* (chúng tôi, chúng tao), *drei* (ta, mình, chúng mình,...), *ih* (mày, ông, bà, anh, chị,...), *ơng* (mày), *di ih* (chúng mày, các ông, các bà, các anh, các chị,...), *ñu* (nó), *di ñu* (chúng nó, các ông ấy, các bà ấy, bọn họ,...), *arăng* (người ta). Cụ thể, các ĐTNX này được phân loại theo ngôi và theo số như bảng dưới đây (xem Bảng 1):

2.2.2. Đặc điểm cấu tạo

a) Từ đơn

Phần lớn các ĐTNX trong *Sử thi Đăm Săn*

Bảng 1: Đại từ nhân xưng trong Sử thi Đăm Săn

TT	ĐTNX	Số	Nghĩa
I. Ngôi thứ nhất			
1	káo	đơn	tôi, tao
2	hmei	phức (gộp)	chúng tôi, chúng tớ, ...
3	drei	phức (loại trừ)	ta, mình, chúng mình, ...
II. Ngôi thứ hai			
4	ih	đơn	mày, ông, anh, chị, ...
5	ơng		mày
6	di ih	phức	các ông, các anh, các chị, ...
III. Ngôi thứ ba			
7	ñu	đơn, phức	nó
8	di ñu	phức	chúng nó, họ, bọn nó, ...
IV. Lường ngôi			
9	arăng	đơn, phức	người ta

đều cấu tạo là từ đơn tiết, gồm 7/9 đơn vị ĐTNX mà chúng tôi khảo sát được. Đó là:

- Ngôi I gồm có 3 ĐTNX là: *káo* (tôi), *hmei* (chúng tôi), *drei* (ta, mình, chúng mình...)

- Ngôi II gồm có 2 ĐTNX là: *ih* (mày, ông, bà, anh, chị...), *ơng* (mày),

- Ngôi III có 1 ĐTNX là: *ñu* (nó).

- ĐTNX lường ngôi là: *arăng* (người ta).

b) Từ ghép

Sử thi Đăm Săn có 2 ĐTNX được cấu tạo theo phương thức ghép chính phụ là *di ih* (chúng mày, các ông, các bà, các anh, các chị...) và *di ñu* (chúng nó, các ông ấy, các bà ấy, bọn họ...).

$Di + ih = di\ ih$ $Di + ñu = di\ ñu$

2.2.3. Đặc điểm ngữ nghĩa

a) ĐTNX ngôi I

* ĐTNX ngôi I, số đơn

Trong *Sử thi Đăm Săn* chỉ có 1 ĐTNX ngôi I, số đơn là *káo*. *Káo* là ĐTNX được dùng để xưng với tất cả các ĐTNX ở ngôi II mà không ảnh hưởng gì đến sắc thái biểu cảm.

- Có thể dùng trong xưng hô với người lớn tuổi hơn *káo*:

Káo amáo khắp ôh *káo* dê, *ayõng* ah [I, tr.

11] (*Tôi* thì tôi không thương, không ưng những người ấy đâu, *anh* ạ) (Hơ Nhị nói với anh trai).

- Có thể dùng trong xưng hô với người nhỏ tuổi hơn *káo*:

Ơ ơh, adei ah, káo amáo nao ôh káo dê kơ ñu [I, tr.8] (Không, không, em ơi, anh không ra đâu [II, tr.8]) (Đăm Săn nói với em gái)

- Có thể dùng trong xưng hô với người bằng tuổi *káo*:

Hũ êđi ơng tở êjai káo nao! [I, tr.8]

(Ta rất sợ người đâm ta khi ta đang đi! [II, tr.52]) (Mtao Mxây nói với Đăm Săn)

- Thần thánh cũng dùng *káo* để xưng với con người:

Boih, đăm ruắt wít ôh. Káo nao yoh anei, leh djie ih [I, tr.72] (Ấy, người đừng ra về vội! Ta ra đây bây giờ đây, người chết mất thôi [II, tr.72]) (Nữ thần Mặt trời nói với Đăm Săn)

* ĐTNX ngôi I, số phức

Sử thi Đăm Săn có sử dụng 2 ĐTNX ngôi I, số phức là *drei* (ta, mình, chúng mình...) và *hmei* (chúng tôi, chúng tao).

Drei là ĐTNX số phức, bao gộp, có nghĩa là *ta, mình, chúng mình*.... Tức là nó được một nhóm người dùng để xưng, nhóm người này bao gồm cả người nghe. Ví dụ:

Tuê! Ya tuê hriê mã sang drei koh, juk ah? (Hơ Ẩng nói với Hbia Điệt Kluich- em gái mình) [I, tr.20] (Khách nào cơ, duk¹? Nhà ta (chúng ta) thì làm gì mà có khách!) [II, tr.18].

Drei trong ví dụ trên bao gồm cả Hơ Ẩng và em gái mình là Hbia Điệt Kluich.

Hmei là ĐTNX số phức, không bao gộp, có nghĩa là *chúng tôi, chúng tao*... Nhưng khác với *drei*, *hmei* là ĐTNX được một nhóm người dùng để xưng, không bao gồm người nghe. Chẳng hạn, Y Đhing nói chuyện với Hơ Nhị (em gái

của mình) như sau: *Ya klei ih êiu hmei koh, ơ adei? Yak klei ih kuru hmei koh, ơ adei?* [I, tr.11] (Ồ em, có việc gì mà em cứ gọi, có việc gì mà em cứ kêu **chúng tôi** đấy hả, em?) [II, tr.5].

Ngoài Y Đhing ra, còn có các anh em khác của anh ta nên *hmei* ở đây được dùng để chỉ các anh em của Hơ Nhị, không bao gồm Hơ Nhị.

Qua khảo sát của chúng tôi, *hmei* được sử dụng rộng rãi hơn so với *drei*.

b) ĐTNX ngôi II

* ĐTNX ngôi II, số đơn

Tiếng Ê-đê có hai ĐTNX thuộc loại này là *ih* và *ơng*. Chúng đều có nghĩa là *anh, chị, ông, bà, mày, cậu...* Tuy nhiên, tùy vào đối tượng giao tiếp mà người ta sử dụng *ih* hay *ơng*.

Ih được dùng rất rộng rãi, dùng cho mọi đối tượng, không phân biệt tuổi tác, thân sơ hay vị thế xã hội.

Ví dụ: *Hoĩ, amai ah, sonăn hẽ ung ih khăp? Sonăn hẽ ung ih ciăng?* [I, tr.19]. (Này chị, người chồng chị ung là đây phải không, người chồng chị muốn là đây phải không?) [II, tr.15].

Ở ví dụ trên, Hơ Bhị (em gái) nói với Hơ Nhị (chị gái), *ih* có nghĩa là “chị” và xưng là *káo* với nghĩa là “em”.

Ih cũng được dùng để người lớn tuổi gọi người nhỏ tuổi hơn mình. Đăm Săn gọi em gái là *ih* (em) và xưng là *drei* (chúng ta):

Ơ adei, đăm ih ăi ko kao. Mõng anei kơ anăp, mdê êsei mdê drei bi huă [I, tr.21]. (Ồ em, xin em đừng giận. Thế là từ nay cơm **chúng ta** ăn đã không còn cùng nồi, cùng mâm [II, tr.17]).

Ih cũng được dùng để con người gọi thần thánh hoặc thần thánh gọi con người. Ví dụ:

- Ông Trời gọi Hơ Nhị:

Ơ cô, ơ cô, truh yở ung ih tơ sang? [I, tr.18] (Ồ cháu, ơ cháu! Chồng *cháu* đã đến chưa? [II, tr.13]).

- Đăm Săn gọi Nữ thần Mặt Trời:

Káo ciăng kơ hjũng dua kda tlôo yôo jăk.

Káo hlõng djă ba ih tơ gũ, mjing juê êngai amai adei hõng H' Nĩ H' Bhi [I, tr.63] (Tôi muốn có vợ lẽ thứ hai, muốn cả ba vợ tôi đều là những nàng tiên xinh đẹp. Tôi muốn đem nàng xuống trần làm *duê* làm *êngai*, làm chị làm em với Hơ Nhị Hơ Bhi) [II, tr.71].

- Con người dùng để gọi con vật:

Ơ Jũt, ơ Jũt, ih bõng alê! Ơ Dê², ơ Dê, ih bõng m'ô! Pô ih êkei Dăm Săn dĩ nao yao (Ồ Dut, ơ Dut, **mây** ăn cây le! Ồ Êđê, ơ Êđê, **mây** ăn cây lồ-ô! Chủ chúng mày ông Đăm Săn, nay muốn chúng mày đưa ông đi bắt cá [II, tr.41]).

Trong ví dụ trên, *ih* là ĐTNX thay thế cho tên riêng của hai con voi.

Ờng thường được dùng để gọi người bằng tuổi, ít tuổi hơn; hoặc dùng với sắc thái thân mật, suồng sã hoặc coi thường.

* ĐTNX ngôi II, số phức

Trong *Sử thi Đăm Săn* có một ĐTNX số phức là *di ih* (các ông, các bà, các chị, các em...). *Di ih* được dùng rất rộng rãi, với sắc thái trung hòa.

- Dùng để gọi nhóm người ít tuổi hơn:

Ơ hdeh, ya di ih hlăp káo msẽ bun msẽ ban, msẽ êlan hdăm mông mac! [I, tr.19] (Ồ các con, sao các con lại giống ta như giống một con mụ nghèo hèn, khinh ta như khinh bầy kiến đen, kiến đỏ vậy! [II, tr.15] (Hơ Nhị gọi tôi tớ trong nhà).

Dùng để gọi nhóm người ngang hàng về tuổi tác, vị thế:

Ơ ayõng h'ô ao msei, ơ adei h'ô ao kwăt, di ih êkei êmăt djă khil đao, di ih nao mớ hõng káo? [I, tr.46] (Hỡi những **anh** mặc giáp sắt, hỡi những người **em** mặc giáp lưới! **Anh em** là những tay khiên tài đao giỏi, **anh em** có đi với ta không?) [II, tr.49].

Di ih là ĐTNX dùng để gọi và thay thế cho hai danh từ thân tộc là *ayõng* (anh) và *adei* (em). Đây là ĐTNX mà Đăm Săn dùng

để gọi các tù trưởng khác.

- Dùng trong quan hệ gia đình, thân tộc:

Đĩ bẻ dĩ ih dê êman, dah dĩ ih anak êman... [I, tr.22] (**Các cô** cứ cười voi mà đi, vì các cô là con của voi...) (Đăm Săn gọi Hơ Nhị và Hơ Bhi - hai người vợ nối nôi của mình).

Thậm chí, con vật cũng có thể dùng để gọi con người:

O iê H'Ni H'Bhĩ, káo hriê lak kơ dĩ ih ung dĩ ih êkei Đăm Săn djiê leh đưôm hẵm Lăn Hlĩn Jũ [I, tr.65] (Ồ chị Hơ Nhị, ơ Chị Hơ Bhi, tôi đến báo **các chị** biết chồng **các chị**, anh Đăm Săn, đã chết chìm trong Đất Sáp Đen rồi) [II, tr.73] (Chuồn Chuồn gọi hai chị em Hơ Nhị)

c) ĐTNX ngôi III

Trong *Sử thi Đăm Săn* có 1 ĐTNX là *ñu*. *Ñu* dùng để chỉ người được nói đến trong cuộc giao tiếp của người nói và người nghe. Khi là số đơn, *ñu* có nghĩa là *nó, ông ấy, bà ấy, ...*

Ví dụ:

Hơ Lị: *Ti ñu nao? Ñu nao kơ sang mỗ ñu adih* [I, tr.30]. (**Anh ấy** còn đi đâu nữa? **Anh ấy** về nhà vợ rồi.) (Hơ Lị trả lời khi Đăm Par Kvây hỏi về Đăm Săn)

Ñu cũng có thể là số phức, lúc này nó có nghĩa là *bọn họ, họ, ...*

Ví dụ:

Đăm Săn: *Ya ngã ñu ciăng hriê?* (Họ đến việc gì?)

Trong hội thoại trên, *ñu* là ĐTNX số phức dùng để gọi “đầy người Chăm”, và “những người cầm đầu”, được sử dụng như ngôi III, số phức.

d) ĐTNX lưỡng ngôi

Tiếng Ê-đê có một ĐTNX lưỡng ngôi và lưỡng số là *arăng* (người ta). Tức là được sử dụng cho cả ba ngôi (phổ biến nhất là ngôi thứ III), dùng cho cả số đơn và số phức. Do

đó, đôi lúc *arăng* và *ñu/di ñu* được dùng như nhau. Ví dụ:

Đăm Săn: *Ya ngã ñu ciăng hriê?* [I, tr.16] (**Họ** đến việc gì?).

Hơ Ắng: *Arăng hriê kơ ih. Arăng ciăng ung kơ H' Nĩ, ung kơ H' Bhĩ.* (**Họ** đến hỏi cậu đấy. **Họ** muốn hỏi chồng cho Hơ Nhị, hỏi chồng cho Hơ Bhi).

Arăng trong ví dụ trên là ĐTNX số phức, ngôi thứ III dùng để gọi anh em trai của chị em Hơ Nhị. Nó tương đương với *ñu* và đều dùng để chỉ *họ, bọn họ, ...*

Ví dụ khác [I, tr.34]:

Hơ Bhi: *Boih, káo amáo chul hổng ih ôh. Arăng blah amai káo hẵm sang, wang amai káo hẵm buôn, iê ah!* (Này, tôi không giỡn với anh đâu nhé! Người ta đã đến đánh chị tôi ngay tại nhà, cướp chị tôi đi ngay giữa làng rồi đó!)

Đăm Săn: *Hlei pơ ñu?* (Người ta là đứa nào vậy?)

Hơ Bhi: *Arăng lac Mtao Grử, pơ jhổng knễn krễn ktang, pơ krai h duah juă car mdrống* (Nghe nói là Mtao Grự, một dưng tướng chuyên đi giày xéo đất đai của các tù trưởng nhà giàu).

Đoạn hội thoại đều nói về một người vắng mặt là Mtao Grự. Tuy nhiên, nếu ở lượt lời 1, Hơ Bhi gọi Mtao Grự là *arăng* (người ta) thì Đăm Săn lại gọi là *ñu*. Sau đó, Hơ Bhi trả lời là *arăng*. Như vậy, trong trường hợp này, *arăng* là ngôi III, số đơn và dùng tương đương với *ñu* số đơn.

2.2.4. Đặc điểm văn hóa

a) Thể hiện sự bình đẳng trong giao tiếp

ĐTNX trong tiếng Ê-đê hầu hết đều trung hòa về sắc thái biểu cảm. Các ĐTNX trong ngôn ngữ này, đặc biệt là cặp từ *káo - ih* được sử dụng rộng rãi, hầu hết ở mọi đối tượng, giúp cho người tham gia giao tiếp không cảm thấy bị gò bó khi giao tiếp với những đối

tượng mới gặp lần đầu. Khi còn chưa biết rõ về đối tượng giao tiếp thì người Ê-đê thường dùng *ih* để hô (gọi) và *káo* để xưng. Đây là một lợi thế trong tiếng Ê-đê. Các ĐTNX không có sở chỉ cố định nên tùy thuộc vào ngữ cảnh cụ thể mà cơ chế nghĩa của chúng mới bộc lộ rõ. Để hiểu rõ hơn, xin xem ví dụ đoạn thoại giữa Hơ Bhi và Dăm Săn dưới đây:

H'Bhi - O iê, o iê, hriê bẻ huả! Êsei krô hlăm êlũ, mnũ knhang, aseï toh êwang msẽ grũ knô. [I, tr.24] (*O anh, o anh, về ăn cơm! Cơm đã khô trong bát, gà đã quắt lại trong xiên, thịt gà đã xác ra như thịt kên kên đực rồi đó!*) [II, tr.21].

Dăm Săn – Ya ngă káo nao huả! Huả bẻ di ih dẻ. Hmei ka mào wăn ôh. Hmei dôt bi trút [I, tr.24]. (Sao tôi lại về ăn cơm! Các cô cứ ăn đi! Chúng tôi chưa rồi, đang còn bận chơi đây nhau đây này) [II, tr.21].

Hơ Nhị gọi Dăm Săn là *iê* (anh rể), Dăm Săn xưng *káo* (tôi) và *hmei* (chúng tôi) với Hơ Bhi. *Káo* ở đây được hiểu là “tôi”, *hmei* được hiểu là “chúng tôi”. Dăm Săn gọi Hơ Nhị và Hơ Bhi là *di ih* (các ông, các bà,...). Chúng ta cũng phải hiểu là *các cô* thì mới hoàn toàn chính xác về nghĩa dụng học và mới phản ánh được tâm lý miễn cưỡng khi phải làm *nuê* với chị em Hơ Nhị. Vì thế, chàng phản kháng bằng cách suốt ngày rủ các anh em nhà Hơ Nhị chơi đu quay, chơi đẩy gậy. Chúng ta hiểu được ngữ nghĩa của *káo* là nhờ ngữ cảnh và câu văn trước đó.

b) Sự khéo léo, hài hòa trong giao tiếp

ĐTNX trong tiếng Ê-đê hầu hết đều trung tính, chúng làm cho người giao tiếp bình đẳng với nhau, không phân biệt vai vế, thân sơ. Điều này làm cho người tham gia giao tiếp cảm thấy dễ dàng hơn khi xưng hô với những người mới gặp lần đầu. Tuy nhiên, khi sử dụng, người Ê-đê không dùng chúng một cách đơn lẻ. Họ thường dùng các từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc trong lời hô, rồi sau đó mới

dùng các ĐTNX để thay thế. Chính vì dựa vào sự kết hợp giữa ĐTNX và từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc để xưng hô mà người nghe biết được vai vế, mối quan hệ liên nhân giữa các đối tượng tham gia giao tiếp, đồng thời thể hiện sự linh hoạt, khéo léo trong ứng xử của người Ê-đê. Ví dụ:

O ố, o ố, truh yở ung ih tơ sang? [I, tr.18].
(*O cháu, o cháu! Chồng cháu đã đến chưa?*)

Đây là lời của ông Trời nói với Hơ Nhị. *Ố* là từ thân tộc có nghĩa là *cháu*. Khi kết hợp một danh từ thân tộc với ĐTNX (*ih*), người nói không những đã phân biệt được vai vế giữa đối tượng giao tiếp mà còn giúp cho sắc thái biểu cảm của lời nói tăng lên rõ rệt. Một số ví dụ dưới đây sẽ minh chứng rõ cho điều này. Ví dụ:

- Hơ Bhi nói với chị gái của mình:

Hoĩ, amai ah, sonăn hẻ ung ih khắp? Sonăn hẻ ung ih ciăng? Káo dẻ amáo káo khắp, amáo káo ciăng sonăn ôh [I, tr.19]. (Này *chị*, người chồng *chị* ung là đây phải không, người chồng *chị* muốn là đây phải không? Tôi thì tôi không ung, không muốn một người chồng như vậy đâu).

Amai trong tiếng Ê-đê có nghĩa là *chị*. Hơ Bhi dùng để gọi chị gái của mình và sau đó mới dùng *ih* (anh, chị, mày...) để thay thế.

- Hơ Nhị nói với tôi tớ:

O hđeh, ya di ih hłáp káo msẽ bun msẽ ban, msẽ êlan hđăm mông mac! [I, tr.19] (*O các con, sao các con lại giỡn ta như giỡn một con mụ nghèo hèn, khinh ta như khinh bầy kiến đen, kiến đỏ vậy!*).

Hđeh trong tiếng Ê-đê có nghĩa là *đám trẻ, bọn trẻ, ...* Hơ Nhị dùng *hđeh* để gọi tôi tớ và sau đó dùng *di ih* (các anh, các bà,...) để thay thế cho *hđeh*. Cách xưng hô này giúp cho người đọc dễ dàng nhận ra vai vế giữa người nói với người nghe như thế nào.

- Dăm Săn nói với người yêu:

O adei, đăm ih ăl ko kao [I, tr.21] (*O em,*

xin **em** đừng giận).

Ih (anh, chị, ông, bà, mày...) dùng để thay thế cho *adei* (em) trong lời hô gọi của người nói.

Ngoài việc dùng ĐTNX để kết hợp với các danh từ thân tộc để làm rõ vai vế và mối quan hệ giữa người nói và người nghe, tiếng Ê-đê còn kết hợp ĐTNX với tên riêng. Tên riêng cũng được sử dụng trong lời hô gọi, sau đó sẽ dùng ĐTNX để thay thế. Ví dụ:

Ơ Jút, ơ Jút, ih bớng alê! Ơ Dê, ơ Dê, ih bớng m'ô! [I, tr. 40] (Ơ Dut, ơ Dut, mày ăn cây le! Ơ Đê, ơ Đê, mày ăn cây lồ-ô!)

Dut và *Dê* là tên của hai con voi. Sau đó, người nói dùng *ih* (anh, chị, ông, bà, mày...) để thay thế cho tên riêng của con vật.

Đôi khi, tiếng Ê-đê còn kết hợp cả từ thân tộc với tên riêng trong lời hô gọi rồi sau đó mới dùng ĐTNX để thay thế. Ví dụ:

Ơ iê H'Nhĩ H'Bhĩ, káo hriê lak kơ di ih ung di ih êkei Dăm Săn djiê leh đuôm hlăm Lăn Hlăn Jũ [I, tr. 65] (Ơ chị Hơ Nhị, ơ chị Hơ Bhị, tôi đến báo các chị biết chồng các chị, anh Đăm Săn, đã chết chìm trong Đất Sáp Đen rồi).

Ở ví dụ trên, *di ih* (các anh, các bà, các chị, bọn mày...) thay thế cho Hơ Nhị và Hơ Bhị.

Cách xưng hô kết hợp từ thân tộc với ĐTNX hoặc tên riêng với ĐTNX thường chỉ dùng trong những trường hợp trung hòa về sắc thái biểu cảm hoặc sắc thái biểu cảm tích cực. Còn khi muốn biểu thị sắc thái tình cảm tiêu cực, tiếng Ê-đê không dùng cách kết hợp này. Như đã phân tích, *ih* và *ơng* trong tiếng Ê-đê đều có nghĩa là *mày, ông, bà, anh, chị...* Tuy nhiên, nếu như *ih* là ĐTNX trung tính thì *ơng* thường được dùng trong những trường hợp coi thường. *Ơng* không sử dụng các kiểu kết hợp như trên.

3. Kết luận

Đại từ nhân xưng trong tiếng Ê-đê qua *Sử thi Đăm Săn* gồm có 09 ĐTNX và hầu hết là

các ĐTNX trung tính (trừ *ơng*). Điều này đã khiến cho sự giao tiếp thuận lợi và đơn giản, nhất là khi giao tiếp với những người mới gặp lần đầu. Bên cạnh đó, cách xưng hô dựa vào ĐTNX cũng ít nhiều làm giảm đi sắc thái biểu cảm trong giao tiếp cũng như không phân biệt được vai vế và mối quan hệ khác giữa người nói và người nghe. Để thuận lợi hơn, người Ê-đê sử dụng các danh từ thân tộc hoặc tên riêng trong lời hô rồi sau đó dùng ĐTNX để thay thế. Cách xưng hô này không chỉ thể hiện rõ sắc thái biểu cảm trong lời nói cũng như mối quan hệ giữa người nói và người nghe (hoặc đối tượng được đề cập đến) mà còn phần nào biểu hiện rõ đặc điểm văn hóa của người Ê-đê. Đó là mối quan hệ tương đối bình đẳng trong giao tiếp và sự khéo léo, hài hòa trong xưng hô của người Ê-đê, một tộc người Nam Đảo điển hình, tiêu biểu ở Tây Nguyên.

CHÚ THÍCH

¹Juk (duk) là một từ thân tộc đặc biệt được những người phụ nữ thuộc hai djuê (họ) khác nhau dùng để gọi nhau.

²Jút và Đê là tên hai con voi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2008.
- [2] Đoàn Văn Phúc, *Ngữ âm tiếng Êđê*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
- [3] Hữu Quỳnh, *Ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1990.
- [4] Đoàn Thị Tâm, *Từ ngữ chỉ người trong tiếng Ê-đê*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2017.
- [5] Tạ Văn Thông (Chủ biên), *Từ điển Êđê - Việt (Hduôm hră mblang klei blũ Êđê - Việt)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2015.
- [6] Viện Ngôn ngữ học - Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk, *Từ điển Việt - Êđê*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2004.

NGŨ LIỆU THAM KHẢO

- [I] Nguyễn Hữu Thấu, *Sử thi Ê-đê, Khan Đăm Săn và Khan Kteh Mlan*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
- [II] Nguyễn Hữu Thấu, *Sử thi Ê-đê, Khan Đăm Săn và Khan Kteh Mlan*, tập II, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.